Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8456.40.20

Mã HS	8456.40.20
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ để gia công mọi loại vật liệu bằng cách bóc tách vật liệu, bằng các quy trình sử dụng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm phô-tông, siêu âm, phóng điện, điện hóa, chùm tia điện tử, chùm tia i-on hoặc quá trình xử lý plasma hồ quang; máy cắt bằng tia nước / - Hoạt động bằng quá trình xử lý plasma hồ quang: / - - Máy làm sạch bằng plasma sử dụng để loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ khỏi các mẫu kính hiển vi điện tử và giá đỡ mẫu
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 23:28:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84564020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14081
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14081
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14081
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13409
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13350
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13350
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13350
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13350
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13350
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13350
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13404
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13404
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13404
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13404

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13404
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13404
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13405
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13405
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13405
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13405
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13405
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13405
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13408
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13356
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13364
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13364
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13364
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13364
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13364
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13364
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13395
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13395
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13395
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13395
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13395
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13395
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13444
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13444
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13444
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13444

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13444
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13444
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13427
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13427
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13427
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13427
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13427
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13427
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13427
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13427
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13427
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13427
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13427
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13427
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13442
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13442
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13442
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13442
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13442
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13442
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13441
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13441
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13441
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13441
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13441
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13441

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13421
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13421
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13421
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13421
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13421
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13421
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13421
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13429
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13429
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13429
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13429
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13429
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13429
RCEP B	2022	2022	0	B!D13429
RCEP B	2023	2023	0	B!E13429
RCEP B	2024	2024	0	B!F13429
RCEP B	2025	2025	0	B!G13429
RCEP B	2026	2026	0	B!H13429
RCEP B	2027	2027	0	B!I13429
RCEP C	2022	2022	0	C!D13429
RCEP C	2023	2023	0	C!E13429
RCEP C	2024	2024	0	C!F13429
RCEP C	2025	2025	0	C!G13429
RCEP C	2026	2026	0	C!H13429
RCEP C	2027	2027	0	C!I13429
RCEP D	2022	2022	0	D!D13428

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13428
RCEP D	2024	2024	0	D!F13428
RCEP D	2025	2025	0	D!G13428
RCEP D	2026	2026	0	D!H13428
RCEP D	2027	2027	0	D!I13428
RCEP E	2022	2022	0	E!D13432
RCEP E	2023	2023	0	E!E13432
RCEP E	2024	2024	0	E!F13432
RCEP E	2025	2025	0	E!G13432
RCEP E	2026	2026	0	E!H13432
RCEP E	2027	2027	0	E!I13432
RCEP F	2022	2022	0	F!D13429
RCEP F	2023	2023	0	F!E13429
RCEP F	2024	2024	0	F!F13429
RCEP F	2025	2025	0	F!G13429
RCEP F	2026	2026	0	F!H13429
RCEP F	2027	2027	0	F!I13429
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12459
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12459
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12459
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12459

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8456.40 có 3 dòng thuế; dòng 8456.40.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy làm sạch bằng plasma sử dụng để loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ khỏi các mẫu kính hiển vi điện tử và giá đỡ mẫu.	8456.40.10 Máy công cụ, điều khiển số, để gia công vật liệu bằng phương pháp bóc tách vật liệu, bằng quá trình xử lý plasma hồ quang, để sản xuất các tấm mạch in hoặc tấm dây in; 8456.40.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8456.40.20 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8456.40.20	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8456.40.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8456.40.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14081), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.